

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 10 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài
sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Qui

Bà Đặng Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh T, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Kiều T – Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV C. Có mặt

Địa chỉ: Số 153, đường B5, khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố C.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn Th, sinh năm: 1986. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/7/2024, 19/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thanh T trình bày:

Năm 2010 chị Phạm Thanh T với anh Đặng Văn Th tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn Th.

Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung tên Đặng Trí K (giới tính nam), sinh ngày 03/02/2012. Con chung đang sống chung với anh Th và ông bà nội. Đặng Trí K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh Th nên chị T đồng ý để anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Quá trình sinh sống vợ chồng chị T và anh Th có tạo lập được một số tài sản như sau:

- Ngày 28/10/2010 chị T và anh Th có mua miếng đất có diện tích 80m² tại ấp 4, xã Long Trị A của vợ chồng ông Nguyễn Văn Tâm và bà Ngô Ngọc Thủy với giá 12.000.000 đồng, phần đất trên là đất do nhà nước quản lý nên chị T không yêu cầu phân chia. Ngoài ra chị T và anh Th có xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất.

- Ngày 02/12/2014 chị T, anh Th chuyển nhượng phần đất diện tích 972m², thửa đất số 1166, đất trồng cây lâu năm, tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang với giá 75.000.000 đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01135, ngày 02/12/2014, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Đặng Văn Th và bà Phạm Thanh T.

- Ngày 15/3/2024 chị T và anh Th có chuyển nhượng phần đất của bà Nguyễn Thị Kiều Kiệp, với giá 295.000.000 đồng, diện tích 768m², thửa đất số 2148, loại đất Lúa tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- 01 tiệm làm móng tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang được xây dựng trên phần đất của ông Phạm Vũ Phong.

Đối với tài sản trên chị T yêu cầu phân chia theo tỷ lệ 6/4 chị T yêu cầu nhận 60% giá trị tài sản, chị T yêu cầu được nhận hai phần đất, tiệm làm móng và đồng ý phân chia căn nhà cho anh Th. Chị T sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho anh Th. Đối với cây trồng trên đất tranh chấp chị T không yêu cầu phân chia, ai được quản lý phần đất nào thì sẽ sở hữu phần cây trồng trên đất đó.

Ngoài ra chị T và anh Th có mua 03 chiếc xe mô tô, nhưng vợ chồng đã thỏa thuận được việc phân chia nên không yêu cầu giải quyết. Đối với trang sức chị T và anh Th đang đeo thì chị T không yêu cầu phân chia.

Đối với số tiền đóng bảo hiểm, ngày 19/7/2024, anh Th đã hủy hợp đồng bảo hiểm tại Công ty Bảo Việt nhân thọ Hậu Giang và nhận lại giá trị tiền là 54.365.231 đồng. Chị T yêu cầu chia đôi số tiền này.

Về nợ chung: Trước đây chị T có yêu cầu phân chia tiền nợ hụi 140.000.000 đồng của bà Phan Thị Thanh Thúy nhưng ngày 29/7/2024 chị T có đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện ly hôn và không yêu cầu đối với số tiền hụi này.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Đặng Văn Th trình bày:

Anh Th thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh Th đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Th và chị T có 01 con chung tên Đặng Trí Khôi (giới tính nam), sinh ngày 03/02/2012. Con chung có nguyện vọng sống chung với anh Th nên anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Th thừa nhận phần tài sản chung của vợ chồng là hai phần đất tại thửa 2148, tọa lạc ấp 4, xã Long Trị A và thửa 1166, tọa lạc tại ấp 7, xã Long Trị A. 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất do nhà nước quản lý và 01 tiệm làm móng được xây dựng trên phần đất của ông Phạm Vũ Phong. Th bộ phận tài sản này anh Th yêu cầu chia hai. Anh Th muốn nhận phần đất lúa tại thửa 2148 và căn nhà cấp 4, nếu như giá trị phần đất lúa và căn nhà cao hơn phần đất còn lại thì anh Th sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho chị T. Đối với cây trồng trên đất tranh chấp anh Th không yêu cầu phân chia, ai được quản lý phần đất nào thì sẽ sở hữu phần cây trồng trên đất đó.

Tài sản là 3 chiếc xe cũng như trang sức anh Th và chị T đeo thì anh Th không yêu cầu phân chia.

Đối với phần tiền bảo hiểm nhân thọ của Công ty Bảo Việt nhân thọ Hậu Giang, anh Th thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Ngày 19/7/2024 anh Th có liên hệ Công ty Bảo Việt Nhân thọ Hậu Giang để yêu cầu hủy hợp đồng và nhận lại giá trị tiền là 54.365.231 đồng. Do quá trình sống ly thân anh Th là

người nuôi dưỡng con chung nên đã sử dụng hết số tiền trên, nay anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị T.

Luật sư Võ Thị Kiều T phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T và anh Th được ly hôn. Con chung Đặng Trí Khôi giao cho anh Th nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Do chị T có công sức đóng góp nhiều hơn trong khối tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử phân chia theo tỷ lệ 6/4, chị T nhận Th bộ tài sản trên và trả giá trị chênh lệch cho anh Th 40%.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh T. Chia hai tài sản chung của anh Th và chị T.

Chị Phạm Thanh T được sở hữu tiệm làm móng và phần đất tại thửa thừa 1166, diện tích 777,2m², loại đất CLN, tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Anh Đặng Văn Th được sở hữu căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất do nhà nước quản lý và thửa đất số 2148, diện tích 683,8m², loại đất 2L, tọa lạc tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Buộc anh Đặng Văn Th trả giá trị chênh lệch nhà và đất cho chị Phạm Thanh T.

Buộc anh Đặng Văn Th chia hai số tiền bảo hiểm nhân thọ của Công ty Bảo Việt nhân thọ Hậu Giang với số tiền 54.365.231. Anh Đặng Văn Th có trách nhiệm giao lại cho chị T số tiền 27.182.616 đồng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh T và anh Đặng Văn Th tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 05/10/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[2.2] Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thanh T: Chị T cho rằng trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thanh T. Chị Phạm Thanh T được ly hôn với anh Đặng Văn Th.

[2.3] Về con chung: Chị Phạm Thanh T và anh Đặng Văn Th có 01 con chung Đặng Trí K (giới tính nam), sinh ngày 03/02/2012. Hiện nay cháu K đang sống chung với anh Th nên anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị T thống nhất để anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đặng Trí K nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng Trí K cho anh Đặng Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Đặng Văn Th không yêu cầu chị Phạm Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản tranh chấp:

[2.4.1] Phần đất và tài sản trên đất đang tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận phần đất là tài sản chung của vợ chồng gồm:

Thửa đất số 2148, diện tích 683,6m² loại đất 2L, tọa lạc ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Thửa đất số 1166, diện tích 777,2m², loại đất CLN, tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Hình thể, kích thước theo mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH DVTV và ĐBĐĐ Đất Việt các đương sự đều thống nhất.

Ngoài ra, phần tài sản chung của chị T và anh Th gồm có:

+ Phần công trình kiến trúc tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang gồm: 01 nhà chính kích thước 4 x 10 (m), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường lửng 50%, phía trên vách tole 50%, mái tôn, nền lót gạch bông; 01 nhà phụ kích thước 2,7 x 8 (m), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tole, mái tole, nền láng xi măng, có 01 vách nhò; 01 nhà tắm kích thước 2,3 x 2,4 (m), kết cấu khung cột gạch, vách tường, mái tole, nền lót gạch bông; mái che 1 kích thước 2,3 x 4 + 2,4 x 4 (m), kết cấu khung cột thép tiền chế, mái tole, nền láng xi măng; mái che 2 kích thước 3,5 x 7,8 (m), kết cấu khung cột gỗ tạp, mái tole, nền đất; Kè chắn chiều dài 31,9m, kết cấu trụ đà bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, chiều cao từ 1,5m đến dưới 2,5m; Miếu thờ kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch, diện tích từ 1m² đến dưới 2m²; hàng rào 1 kích thước 1,6 x 6,5 (m) kết cấu trụ thép tiền chế, khung sắt rào lưới B40; hàng rào 2 kích thước 2,6 x 12,5 (m), kết cấu trụ bê tông cốt thép đúc sẵn, khung sắt rào lưới B40. Th bộ công trình trên được xây dựng năm 2014.

+ Tiệm làm móng kích thước 4,4 x 3,8 (m), kết cấu khung cột thép tiền chế, vách tole, mái tole, nền lót gạch Ceramic, có 02 vách nhò.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thanh T yêu cầu phân chia theo tỷ lệ 6/4, chị T yêu cầu nhận 60% giá trị tài sản, chị T yêu cầu được nhận hai thửa đất 2148, 1166 và tiệm làm móng. Chị T đồng ý phân chia căn nhà cấp 4 tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cho anh Th. Chị T sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho anh Th.

Anh Th không thống nhất theo yêu cầu của chị T. Anh Th yêu cầu chia hai Th bộ tài sản trên. Anh Th yêu cầu nhận phần đất lúa tại thửa 2148 và Th bộ công trình xây dựng tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, nếu như giá trị phần đất lúa và Th bộ công trình xây dựng cao hơn phần đất còn lại thì anh Th sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa chị T yêu cầu phân chia tài sản chung theo tỷ lệ 6/4, chị T yêu cầu nhận 60% giá trị tài sản, anh Th nhận 40% giá trị tài sản vì chị cho rằng tài sản là bất động sản và động sản phần lớn tiền từ tay nghề của chị kiếm được. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T và anh Th thừa nhận anh Th làm nghề hớt tóc, chị T làm móng, cả hai vợ chồng đều tạo ra thu nhập, chị T cho rằng phần thu nhập của chị nhiều hơn anh Th nhưng chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc tạo ra thu nhập của bản thân. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh

mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc” và căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập...”*

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chia đôi tài sản chung của chị T và anh Th. Hiện nay anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Trí Khôi nên giao anh Th tiếp tục quản lý và sở hữu căn nhà cấp 4 và Th bộ công trình xây dựng trên phần đất do nhà nước quản lý tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chị T được tiếp tục quản lý tiệm làm móng tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đối với thửa đất số 2148, diện tích 683,6m² loại đất 2L, tọa lạc ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và thửa đất số 1166, diện tích 777,2m², loại đất CLN, tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chị T yêu cầu được nhận hai thửa đất trên và trả lại giá trị chênh lệch cho anh Th. Anh Th không thống nhất theo yêu cầu của chị T, anh yêu cầu được nhận thửa đất 2148 và đồng ý để chị T được quản lý thửa đất 1166. Xét thấy, căn cứ khoản 3 Điều 59 về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn *“Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch”*, do đó để giải quyết vụ án được công bằng, khách quan và đúng quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chia cho chị T và anh Th mỗi người được nhận một thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận thửa đất số 1166 nằm phía trong được bao bọc bởi các phần đất khác, trong đó có giáp ranh với phần đất tại thửa 180 của ông Phạm Vũ Phong là chú ruột của chị T. Do đó, anh Th không thể quản lý phần đất tại thửa 1166 mà sẽ giao phần đất trên cho chị T tiếp tục quản lý. Như nhận định ở trên, phần đất còn lại tại thửa 2148, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho anh Th được quản lý, sử dụng.

Do cây trồng trên đất tranh chấp các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T quản lý, sử dụng phần đất tại thửa 1166 và anh Th quản lý, sử dụng phần đất tại thửa 2148 thì sẽ được sở hữu cây trồng trên các phần đất nêu trên.

[2.4.2] Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất số 235/2024/319-BDS ngày 30/8/2024, các đương sự thống nhất với chứng thư thẩm định giá trên.

Phần tài sản chị Phạm Thanh T được chia là phần đất 1166 và tiệm làm móng tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang có tổng giá trị là 109.585.200 đồng + 19.515.450 đồng = 129.100.650 đồng.

Phần tài sản anh Đặng Văn Th được chia là phần đất tại thửa 2148 và căn nhà cấp 4, công trình xây dựng trên phần đất do nhà nước quản lý tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang có tổng giá trị là 125.098.800 đồng + 155.693.424 đồng = 280.792.224 đồng.

Như vậy, tài sản chị T và anh Th yêu cầu phân chia có tổng giá trị là: 409.892.874 đồng, chia hai mỗi người được hưởng giá trị là 204.946.437 đồng. Hiện tại phần tài sản anh Th quản lý sử dụng có giá trị 280.792.224 đồng, phần tài sản chị T quản lý sử dụng có giá trị là 129.100.650 đồng. Như vậy, anh Th hưởng phần nhiều hơn nên anh Th có trách nhiệm trả lại một phần giá trị chênh lệch cho chị T là 75.845.787 đồng.

[2.4.3] Đối với số tiền bảo hiểm: Theo văn bản số 1612024/BVNTHG-DVKH ngày 18/9/2024 của Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Hậu Giang, anh Đặng Văn Th có tham gia 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại Công ty Bảo Việt Nhân thọ Hậu Giang, số hợp đồng 569592243, hiệu lực ngày 19/8/2019 với phí mỗi tháng được nộp cho Hợp đồng này là 1.805.599 đồng. Ngày 19/7/2024 anh Đặng Thanh Th có đến Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Hậu Giang để hủy hợp đồng nêu trên và nhận lại giá trị hoàn lại với tổng số tiền là 54.365.231 đồng. Xét thấy, căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân...*” Do đó, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 569592243, hiệu lực ngày 19/8/2019 được anh Đặng Văn Th mua trong thời kỳ hôn nhân của anh Th và chị T thì hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trên là tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử thống nhất chia đôi số tiền bảo hiểm mà Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Hậu Giang hoàn lại mà anh Th đã nhận 54.365.231 đồng. Anh Th có trách nhiệm trả lại cho chị T số tiền 27.182.615 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án phí chia tài sản chung: Chị Phạm Thanh T phải chịu số tiền 11.606.453 đồng, anh Đặng Văn Th phải chịu số tiền 11.606.453 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng với số tiền 8.850.000 đồng: Chị Phạm Thanh T và anh Đặng Văn Th mỗi người phải chịu số tiền 4.425.000 đồng. Chị T đã nộp xong. Anh Đặng Văn Th có trách nhiệm trả lại cho chị Phạm Thanh T số tiền 4.425.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 59 và Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh T được ly hôn với anh Đặng Văn Th. Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, Quyền số 01/2010, ngày 25/01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Long Trị A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Đặng Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đặng Trí Khôi (giới tính nam), sinh ngày 03/02/2012. Anh Đặng Văn Th không yêu cầu chị Phạm Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Phạm Thanh T. Chia đôi phần đất và công trình xây dựng là tài sản chung của chị Phạm Thanh T và anh Đặng Văn Th.

Công nhận phần đất tại thửa đất số 1166, diện tích 777,2m², loại đất CLN, tại ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cho chị Phạm Thanh T (có mảnh trích đo địa chính kèm theo).

Chị Phạm Thanh T được quản lý, sử dụng 01 Tiệm làm móng kích thước 4,4 x 3,8 (m), kết cấu khung cột thép tiền chế, vách tole, mái tole, nền lót gạch Ceramic, có 02 vách nhờ tại ấp 7, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Công nhận phần đất tại thửa đất số 2148, diện tích 683,6m², loại đất 2L, tọa lạc ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cho anh Đặng Văn Th (có mảnh trích đo địa chính kèm theo).

Anh Đặng Văn Th được quản lý, sử dụng 01 nhà chính kích thước 4 x 10 (m), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường lửng 50%, phía trên vách tole 50%, mái tôn, nền lót gạch bông; 01 nhà phụ kích thước 2,7 x 8 (m), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tole, mái tole, nền láng xi măng, có 01 vách nhờ; 01 nhà tắm kích thước 2,3 x 2,4 (m), kết cấu khung cột gạch, vách tường, mái tole, nền lót gạch bông; Mái che 1 kích thước 2,3 x 4 + 2,4 x 4 (m), kết cấu khung cột thép tiền chế, mái tole, nền láng xi măng; Mái che 2 kích thước 3,5 x 7,8 (m), kết cấu khung cột gỗ tạp, mái tole, nền đất; Kè chắn chiều dài 31,9m, kết cấu trụ đà bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, chiều cao từ 1,5m đến dưới 2,5m; Miếu thờ kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch, diện tích từ 1m² đến dưới 2m²; Hàng rào 1 kích thước 1,6 x 6,5 (m) kết cấu trụ thép tiền chế, khung sắt rào lưới B40; Hàng rào 2 kích thước 2,6 x 12,5 (m), kết cấu trụ bê tông cốt thép đúc sẵn, khung sắt rào lưới B40. Th bộ công trình trên được xây dựng năm 2014. Phần công trình xây dựng trên tại ấp 4, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự không tranh chấp đối với cây trồng trên đất nên không xem xét. Chị T và anh Th được tiếp tục quản lý cây trồng trên phần đất được phân chia.

Buộc anh Đặng Văn Th có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch đất và tài sản cho chị Phạm Thanh T số tiền 75.845.787 đồng (bảy mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Buộc anh Đặng Văn Th có trách nhiệm trả lại số tiền bảo hiểm mà Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Hậu Giang hoàn lại 27.182.615 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007890, lập ngày 18/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

4.2 Án phí chia tài sản chung:

Chị Phạm Thanh T phải chịu số tiền 11.606.453 đồng (mười một triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) theo biên lai thu số 0007889, lập ngày 18/6/2024 và số tiền 2.625.000 đồng, theo biên lai thu số 0007962, ngày 03/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L. Chị Phạm Thanh T được nhận lại số tiền 19.453 đồng (mười chín nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Anh Đặng Văn Th phải chịu số tiền 11.606.453 đồng (mười một triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thanh T phải chịu số tiền 4.425.000 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị T đã nộp xong.

Anh Đặng Văn Th phải chịu số tiền 4.425.000 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), anh Th có trách nhiệm nộp trả lại cho chị Phạm Thanh T số tiền 4.425.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Trị A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Qui - Đặng Thị Em

Nguyễn Đình Tiến

